

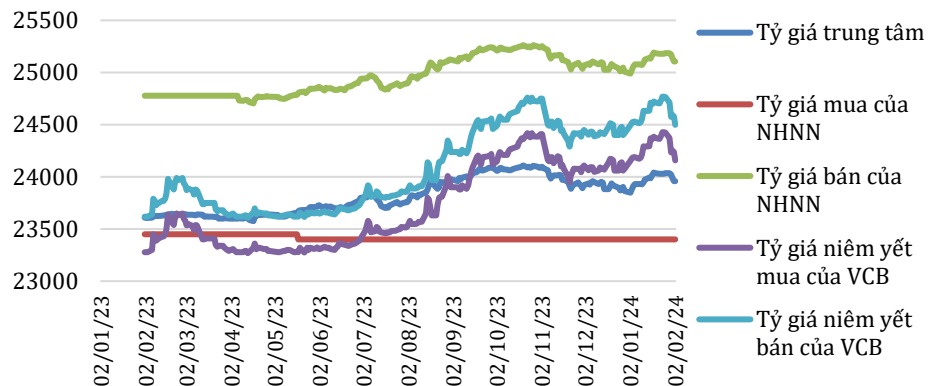
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần từ 29/01 – 02/02

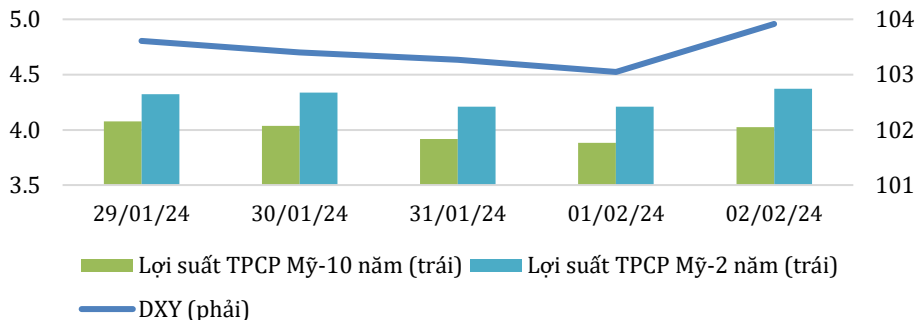
PHÒNG KINH DOANH VỐN

1 | Thị trường ngoại hối

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/VND TRONG NƯỚC



DXY & LỢI SUẤT TPCP MỸ



1, TIN TRONG NƯỚC

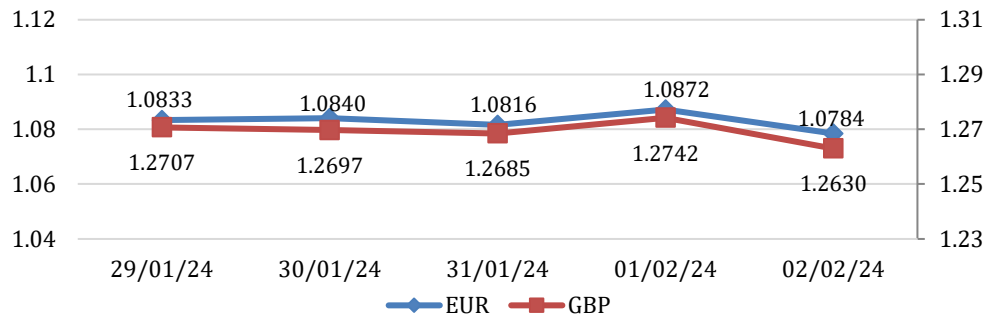
- Tỷ giá trung tâm (USD/VND) đóng cửa phiên ngày thứ 6 ở mức 23.959, giảm 77 đồng so với phiên đầu tuần và phiên ngày thứ 6 tuần trước. Tỷ giá bán giao ngay (USD/VND) của NHNN trong phiên ngày thứ 6 được niêm yết ở mức 25.106, giảm 81 đồng so với phiên ngày thứ 6 tuần trước.
- Tỷ giá mua - bán chuyển khoản tại Vietcombank (USD/VND) trong phiên ngày thứ 6 ở mức 24.160 - 24.500, giảm 265 đồng ở cả chiều mua và chiều bán so với phiên ngày thứ 6 tuần trước.
- Dự báo: Tuần sau, tỷ giá niêm yết USD/VND của VCB nhiều khả năng giảm dần, trong bối cảnh nguồn cung USD dự kiến tương đối dồi dào khi gần đến kì nghỉ Tết Nguyên Đán.

2, TIN QUỐC TẾ

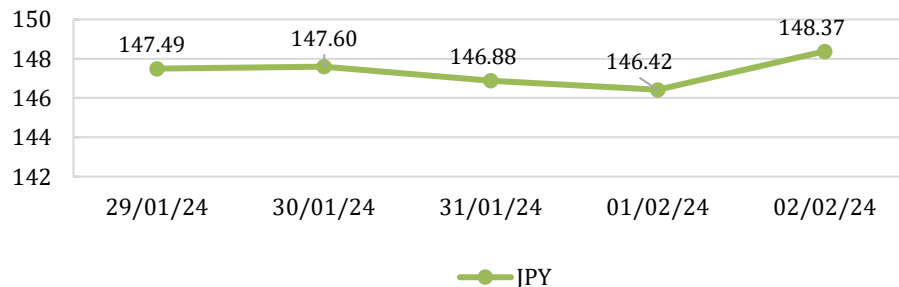
a) Mỹ

- Chỉ số DXY tăng 0,47% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 103,43 lên mức 103,92), khi FED quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 5,25% - 5,50% tại phiên họp tháng 1, đồng thời đưa ra tín hiệu sẽ chưa cắt giảm lãi suất vào tháng 03/2024. Đồng thời các dữ liệu được công bố trong tuần cho thấy nền kinh tế Mỹ có dấu hiệu tích cực. Cụ thể, trong tháng 01/2024:
 - PMI sản xuất của Mỹ tăng lên mức 50,7 từ mức 47,9 của tháng 12/2023, đồng thời vượt mức kỳ vọng 50,3.
 - Tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ giữ ổn định ở mức 3,7%, tốt hơn mức dự báo 3,8%.
 - Số việc làm phi nông nghiệp của Mỹ tăng thêm 353.000 việc làm, cao hơn nhiều so với mức dự báo +187.000.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ EUR/USD & GBP/USD



DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/JPY



b) Châu Âu

- Tỷ giá EUR/USD giảm 0,63% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 1,0852 xuống mức 1,0784), mặc dù nền kinh tế EU đang trên đà phục hồi. Cụ thể, tăng trưởng GDP sơ bộ của EU trong Quý 4/2023 đạt mức 0,1% (YoY), cao hơn mức 0,0% (YoY) của Quý 3/2023. Bên cạnh đó, lạm phát của EU có dấu hiệu hạ nhiệt, khi ước tính CPI sơ bộ của EU trong tháng 01/2024 giảm xuống mức 2,8% từ mức 2,9% của tháng 12/2023.

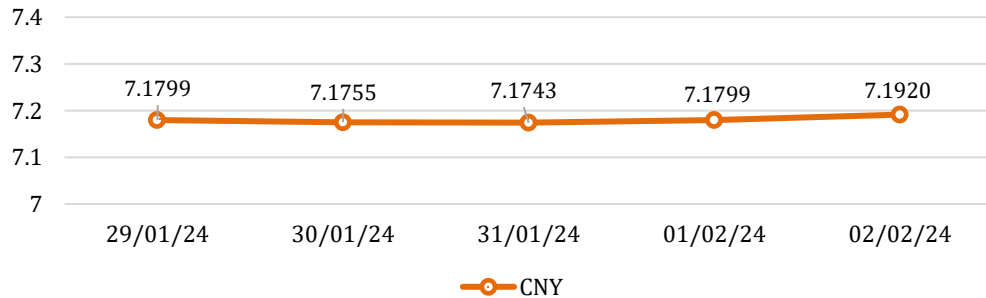
c) Anh

- Tỷ giá GBP/USD giảm 0,57% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 1,2702 xuống mức 1,2630), khi hoạt động sản xuất của Anh có dấu hiệu suy giảm. Cụ thể, PMI sản xuất của Anh trong tháng 01/2024 chỉ đạt 47,0, thấp hơn mức trung bình 50 và mức kỳ vọng 47,3.

d) Nhật Bản

- Tỷ giá USD/JPY tăng 0,14% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 148,16 lên mức 148,37), chủ yếu do sự tăng giá của đồng USD, mặc dù thị trường việc làm của Nhật Bản có dấu hiệu tích cực. Cụ thể, tỷ lệ thất nghiệp của Nhật Bản trong tháng 12/2023 giảm xuống mức 2,4% từ mức 2,5% của tháng 11/2023.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/CNY



e) Trung Quốc

- Tỷ giá USD/CNY tăng 0,22% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 7,1763 lên mức 7,1920), mặc dù nền kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu tích cực. Cụ thể, PMI sản xuất, PMI phi sản xuất và PMI tổng hợp của Trung Quốc trong tháng 01/2024 lần lượt đạt mức 49,2; 50,7 và 50,9, đều tốt hơn số liệu của tháng 12/2023.

Một số sự kiện đáng chú ý diễn ra trong tuần tới (05/02/2024 – 09/02/2024):

- **05/02/2024:**
 - Mỹ, Anh, EU công bố PMI dịch vụ và PMI tổng hợp tháng 01/2024.
 - EU công bố PPI tháng 12/2023.
- **06/02/2024:** EU công bố doanh số bán lẻ tháng 12/2023.
- **07/02/2024:**
 - Mỹ công bố dữ liệu xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại tháng 12/2023.
 - Trung Quốc công bố CPI tháng 01/2024.
- **08/02/2024:** Mỹ công bố số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu của tuần 2, tháng 02/2024.
- **09/02/2024:** Trung Quốc, Việt Nam nghỉ Tết Nguyên Đán.

2 | Thị trường tiền tệ trong nước

Hình thức GD	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng (nghìn tỷ VND)		Chênh lệch
		29/01 – 02/02/2024	22/01 – 26/01/2024	
OMO reverse repo (1)	7	0.002	0.000	0.002
	14	0.000	0.000	0.000
Tín phiếu (2)	7	0.000	0.000	0.000
	28	0.000	0.000	0.000
Đến hạn Tín phiếu (3)		0.000	0.000	0.000
Đến hạn OMO (4)		0.000	0.000	0.000
Chênh lệch (5) = (1)-(2)+(3)-(4)		0.002	0.000	

Diễn biến thị trường:

- Trong tuần 29/01 – 02/02/2024, mặt bằng lãi suất trên thị trường LNH bắt đầu tăng trở lại khi nhiều TCTD có nhu cầu lấy nguồn vào thời điểm sát Tết. Theo đó, lãi suất tại các kỳ hạn ON – 1W giao dịch trung bình ở mức 0,77 – 1,05%/năm. Lãi suất tại các kỳ hạn dài 1M – 3M giao dịch quanh mức 1,55 – 2,8%/năm.
- Kênh OMO tiếp tục được NHNN chào kỳ hạn 7 ngày với lãi suất 4%/năm. Ngày 30/01, có 1 TCTD trúng thầu khối lượng 2,28 tỷ VND với lãi suất 4%/năm.

Dự báo:

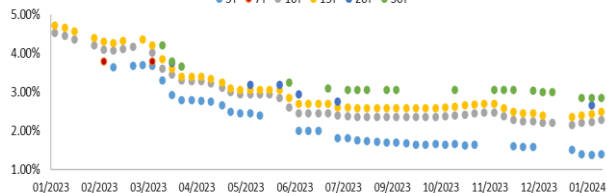
- Dự kiến trong tuần tới, mặt bằng lãi suất kỳ hạn ngắn trên thị trường LNH sẽ tiếp tục biến động tăng.

3 | Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp

Lãi suất trúng thầu

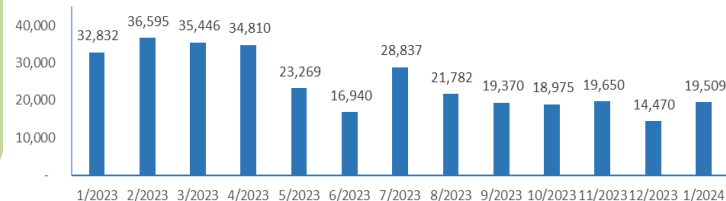
5Y 7Y 10Y 15Y 20Y 30Y



Tuần qua, KBNN phát hành thành công 3.007 tỷ VND trong số 10.000 tỷ VND gọi thầu ở các kỳ hạn 5-10-15-30 năm. Lợi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm tăng 2 bps, 10 năm và 15 năm tăng 5bps, trong khi đó kỳ hạn 30 không thay đổi.

Tỷ đồng

Khối lượng phát hành

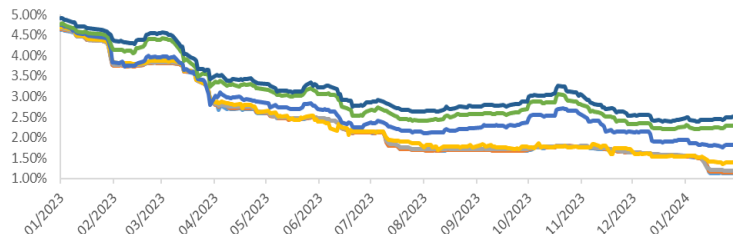


Thị trường thứ cấp

Thị trường thứ cấp có tuần khá trầm lắng, tập trung ở kỳ hạn 5-7 năm. Lực cung từ một số TCTD xuất hiện trong giai đoạn cận kỳ nghỉ Tết khiến mặt bằng lợi suất các kỳ hạn này tăng nhẹ.

Lợi suất giao dịch thứ cấp

1y 2y 3y 5y 7y 10y 15y



Dự báo:

Tuần tới - từ 05/02/2024, dự kiến mặt bằng lợi suất TPCP biến động trong biên độ từ 1-8bps.

1-3 năm: 0,80 – 1,30%/năm; 5 năm: 1,38 – 1,45%/năm;
7 năm: 1,77 – 1,87%/năm; 10 năm: 2,25 – 2,35%/năm;
15 năm: 2,47 – 2,55%/năm.

4 | Thị trường hàng hóa

- Nhóm hàng Cà phê:

+ Giá cà phê vào thứ Sáu giảm vừa phải, với cà phê Robusta chạm mức thấp nhất trong một tuần. Sự tăng giá của chỉ số đô la Mỹ (DXY00) lên mức cao nhất trong 7 tuần vào thứ Sáu đã ảnh hưởng đến hầu hết giá cả hàng hóa, bao gồm cả cà phê.

+ Giá cà phê cũng chịu ảnh hưởng tiêu cực từ việc nhóm xuất khẩu cà phê Brazil Comexim nâng ước tính xuất khẩu cà phê Brazil 2023/24 lên 44,9 triệu bao từ mức ước tính trước đó là 41,5 triệu bao. Mặc dù vậy, thời tiết khô hạn nghiêm trọng ở Brazil đang hỗ trợ giá cà phê Arabica. Somar Meteorologia cho biết vào thứ Hai rằng khu vực Minas Gerais của Brazil đã nhận được 25 mm lượng mưa trong tuần qua, tương đương 53% mức trung bình lịch sử. Minas Gerais chiếm khoảng 30% sản lượng cà phê Arabica của Brazil.

+ Trong khi đó, lượng cà phê tồn kho thấp lại là yếu tố đẩy giá cà phê lên. Tồn kho cà phê Robusta do sàn giao dịch ICE theo dõi đã giảm xuống mức thấp kỷ lục là 2.778 lô vào thứ Sáu. Tồn kho cà phê Arabica do sàn giao dịch ICE theo dõi đã giảm xuống mức thấp nhất trong 24 năm là 224.066 bao vào ngày 30 tháng 11 và tính đến thứ Sáu đã tăng nhẹ lên 266.890 bao.

- Nhóm hàng Ngũ cốc:

+ Các dự báo sản lượng ngô của Brazil mới đây vẫn không có quá nhiều thay đổi trong bối cảnh thời tiết bất lợi sẽ tiếp tục duy trì ở quốc gia này vào tháng 2. Tuy nhiên, một số lo ngại về nguồn cung từ Argentina gia tăng sẽ là yếu tố hỗ trợ ngắn hạn cho giá ngô. Khí hậu tiếp tục trở nên nắng nóng hơn trong tuần thứ 2 liên tiếp đã gây thêm thiệt hại cho mùa vụ chuẩn bị bước vào giai đoạn phát triển quan trọng tại quốc gia Nam Mỹ này. Độ ẩm đất, cũng như chất lượng cây trồng trên khắp vùng Pampas đã giảm mạnh trong tuần qua. Cụ thể, theo báo cáo của BAGE, tính đến ngày 31/1, độ ẩm đất ở các khu vực trồng ngô đã giảm xuống còn 72%, so với mức lý tưởng là 92% của hai tuần trước đó. Trong khi đó, tỷ lệ diện tích ngô đạt tiêu chuẩn tốt/tuyệt vời chỉ đạt 89%, giảm từ mức 95% trong tuần trước đó và mức 97% của hai tuần trước. Theo các mô hình dự báo, nhiệt độ cao gần 40 độ C sẽ tiếp tục kéo dài cho tới ngày 7/2, trước khi mưa rào quay trở lại và xoa dịu tình hình.

- Nhóm hàng Nông sản khác:

+ StoneX đã giảm ước tính sản lượng mía đường khu vực Nam và Trung của Brazil năm 2024/25 xuống còn 622,1 triệu tấn so với ước tính trước đó là 628,8 triệu tấn do lượng mưa thấp hơn trung bình từ tháng 11 đến tháng 1 đã kìm hãm sự phát triển của cây mía.

+ Hiệp hội Nhà máy Đường Ấn Độ (ISMA) cho biết sản lượng đường Ấn Độ năm 2023/24 trong giai đoạn từ tháng 10 đến 31 tháng 1 giảm 3,2% so với cùng kỳ năm ngoái xuống còn 18,7 triệu tấn. Đối với toàn bộ niên vụ kinh doanh, ISMA dự báo sản lượng đường Ấn Độ năm 2023/24 sẽ đạt 33,05 triệu tấn, giảm 9,7% so với 36,6 triệu tấn năm 2022/23. Cơ quan Thời tiết Ấn Độ cho biết lượng mưa gió mùa trong năm nay (tháng 6-tháng 9) thấp hơn 6% so với mức trung bình, là lượng mưa gió mùa thấp nhất trong 5 năm. Để duy trì đủ nguồn cung trong nước, Ấn Độ đã kéo dài hạn chế xuất khẩu đường từ ngày 31 tháng 10 cho đến khi có thông báo mới.

Nông sản	Mã	26/01/2024	02/02/2024	% thay đổi
Cà phê Robusta	LRCH24	3269	3237	-0,98%
Cà phê Arabica	KCEH24	193,85	191,95	-0,98%
Ngô	ZCEH24	446,25	442,75	-0,78%
Đậu tương	ZSEH24	1209,25	1188,50	-1,72%
Lúa mì	ZWAH24	600,25	599,75	-0,08%
Bông	CTEH24	84,37	87,11	+3,25%
Đường	SBEH24	23,77	23,89	+0,50%

Kim loại và Năng lượng	Mã	19/01/2024	26/01/2024	% thay đổi
Đồng COMEX	CPEH24	3,7865	3,8215	+0,92%
Đồng LME	CAD	8351,0	8482,0	+1,57%
Nhôm LME	AHD	2166,0	2233,5	+3,12%
Quặng sắt SGX	FEFF24	133,96	128	-4,45%
Dầu thô WTI	CLEH24	73,25	72,28	-1,32%
Dầu thô Brent	QOH24	78,56	77,33	-1,57%

- Nhóm hàng Kim loại

+ Đối với nhóm kim loại cơ bản, giá đồng COMEX giảm 0,79% về 3,82 USD/pound, đứt chuỗi tăng hai tuần liên tiếp. Giá quặng sắt giảm 5,21% về 128 USD/tấn. Đồng USD tăng giá cũng là yếu tố gây sức ép lên nhóm kim loại cơ bản.

+ Bên cạnh đó, đồng và quặng sắt vốn là nguyên liệu đầu vào quan trọng trong hoạt động sản xuất công nghiệp. Do đó, việc lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc tiếp tục thu hẹp đã khiến triển vọng tiêu thụ đồng và quặng sắt trở nên kém sắc hơn, kéo giá sụt giảm. Cụ thể, theo Tổng cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), hoạt động sản xuất của Trung Quốc đã thu hẹp tháng thứ tư liên tiếp, chỉ số quản lý thu mua (PMI) sản xuất chỉ đạt 49,1 điểm trong tháng 1/2024. Hơn nữa, kỳ nghỉ Tết Nguyên đán tại Trung Quốc kéo dài hai tuần đang tới gần. Đây thường là khoảng thời gian nhu cầu tiêu thụ đồng hay quặng sắt trầm lắng hơn, đặc biệt là khi các nhà máy gần như đã hoàn tất việc tích trữ hàng tồn kho.

- Nhóm hàng Năng lượng:

+ Lực bán mạnh trên thị trường dầu thô đã kéo giá dầu có mức giảm theo tuần mạnh nhất trong vòng 4 tháng qua. Trong tuần giao dịch ngày 29/1 - 4/2, áp lực từ cả hai phía cung cầu cùng những thông tin xoay quanh xung đột tại khu vực Trung Đông khiến giá rung lắc mạnh. Chốt tuần, giá dầu WTI giảm 7,35% xuống 72,28 USD/thùng. Dầu Brent giảm 6,78% xuống 77,33 USD/thùng. Cả hai loại đều đạt mức thấp nhất kể từ giữa tháng 1.

+ Tuần trước, yếu tố cung cầu cũng gây sức ép lên giá dầu. Dữ liệu theo dõi tàu của Kpler cho thấy mức độ cắt giảm sản lượng tự nguyện của các nước thuộc Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và đồng minh (OPEC+) đang tương đối chậm. Kpler ước tính, xuất khẩu từ 7 thành viên hàng đầu OPEC+ tham gia cắt giảm mới đạt trung bình khoảng 15,4 triệu thùng/ngày trong tháng này, hầu như không thay đổi so với tháng 12. Cũng trong tuần qua, cuộc họp của OPEC+ kết thúc mà không có sự điều chỉnh hay thay đổi về chính sách. Thông tin mờ nhạt về cuộc họp làm dấy lên lo ngại về mức độ tuân thủ cam kết và nguồn cung được bơm ra thị trường từ phía OPEC+. Giá dầu cũng đã giảm mạnh sau cuộc họp.

+ Yếu tố cung cầu tại Mỹ cũng gây sức ép cho giá dầu, sản lượng bị sụt giảm mạnh do các giếng dầu đóng băng nay đã phục hồi. Theo báo cáo của Cơ quan Quản lý Thông tin năng lượng Mỹ (EIA), sản lượng trong tuần kết thúc ngày 26/1 tăng 700.000 thùng/ngày lên 13 triệu thùng/ngày.

Lưu ý sử dụng thông tin

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây, Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này, Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB, Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật,

*Thông tin liên hệ: Phòng Kinh doanh vốn – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tầng 6 Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137 (0348, 0306)
Reuters code: VCBH
Email: kdv@vietcombank.com.vn*